

Tài liệu minh họa chương trình Bảo hiểm Nhân thọ

Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Cao niên Toàn diện - Lựa chọn A

Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Cao niên Toàn diện là chương trình bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết chung được thiết kế để Quý khách chủ động xác định nhu cầu bảo hiểm và phí bảo hiểm.

Bên mua Bảo hiểm (BMBH): NGUYỄN VĂN A

Tuổi: 70

Giới tính: NAM

Tài liệu soạn thảo và trình bày bởi Đại diện Kinh doanh (ĐDKD): NGUYỄN DUY NHẤT

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD: 0012345

Văn phòng ĐDKD: ABC AGENCY OFFICE

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”) hoạt động kinh doanh Bảo hiểm Nhân thọ và Bảo hiểm Sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh. Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21 Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

☎ (84-28) 3827 8989 📞 *8123 hoặc (84-28) 3827 8123 📠 (84-28) 3821 9000 ✉ chubblife.vietnam@chubb.com 🌐 <http://life.chubb.com/vn>

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM (NDBH)

Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nhóm nghề nghiệp
NGUYỄN VĂN A	NAM	01/01/1948	70	2

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM THAM GIA

Tên Sản phẩm	Điều kiện BH	Mệnh giá Sản phẩm (đồng)	Tuổi của NDBH khi đáo hạn	Phí BH cơ bản (đồng) (*)
Kế hoạch Tài chính Trọn đời - Quyền lợi Cao niên Toàn diện Lựa chọn A	S/S	300.000.000	99	30.144.000

Phí BH cơ bản (*):	30.144.000 đồng
Phí BH đóng năm đầu (dự kiến):	30.144.000 đồng
Phí BH đóng theo kỳ (dự kiến):	30.144.000 đồng
Thời gian đóng phí (dự kiến):	29 Năm

Định kỳ đóng phí: Năm

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Lưu ý cho phần minh họa về phí bảo hiểm, phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư:

- Mục đích của phần minh họa về phân bổ phí bảo hiểm, Quyền lợi Bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư dưới đây nhằm giúp Quý khách hiểu được Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) thay đổi như thế nào với các lãi suất giả định 8%, 6% và chỉ có tính chất minh họa.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung.
- Các giá trị nêu trong Bảng minh họa được tính toán theo Điều kiện Bảo hiểm nêu ở trang 2, trong đó S/S là điều kiện chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- Số lần rút tiền mặt và số tiền rút ra có thể làm thay đổi Mệnh giá Sản phẩm, kế hoạch đóng phí và lãi phát sinh cho GTTKHD.
- Các giá trị trong Bảng minh họa với lãi suất đảm bảo được đảm bảo. Lãi suất đảm bảo là 3%/Năm trong 10 Năm hợp đồng đầu tiên, 2%/Năm từ Năm hợp đồng thứ mười một đến Năm hợp đồng thứ mười lăm và 1,5%/Năm trong những Năm hợp đồng còn lại.
- **Trong 4 Năm hợp đồng đầu tiên, Hợp đồng Bảo hiểm (HDBH) sẽ mất hiệu lực khi Bên mua Bảo hiểm không đóng đủ Phí BH cơ bản vào Ngày đến hạn đóng phí.**
- **HDBH cũng sẽ bị mất hiệu lực khi GTTKHD nhỏ hơn hoặc bằng "0" đồng.**

BẢNG MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm (Quyền lợi không đảm bảo)
Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến/Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản khấu trừ trong Năm HD (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/TTTBVV	Rút tiền mặt
1	71	30.144	30.144	12.058	2.355	-	10.566	-	60.000	-
2	72	30.144	60.288	22.608	4.312	-	31.339	1.195	120.000	-
3	73	30.144	90.432	27.130	6.429	-	56.441	26.297	180.000	-
4	74	30.144	120.576	28.637	8.838	-	82.668	60.060	240.000	-
5	75	30.144	150.720	29.240	11.237	15.072	124.213	109.141	300.000	-
6	76	30.144	180.864	29.240	9.571	-	155.780	148.244	300.000	-
7	77	30.144	211.008	29.240	8.199	-	191.267	191.267	300.000	-
8	78	30.144	241.152	29.240	6.142	-	231.736	231.736	300.000	-
9	79	30.144	271.296	29.240	3.142	-	278.568	278.568	300.000	-
10	80	30.144	301.440	29.240	596	15.072	346.953	346.953	346.953	-
11	81	30.144	331.584	29.240	620	-	405.641	405.641	405.641	-
12	82	30.144	361.728	29.240	644	-	469.000	469.000	469.000	-
13	83	30.144	391.872	29.240	668	-	537.402	537.402	537.402	-
14	84	30.144	422.016	29.240	692	-	611.381	611.381	611.381	-
15	85	30.144	452.160	29.240	716	15.072	706.195	706.195	706.195	-
16	86	30.144	482.304	29.240	720	-	793.519	793.519	793.519	-
17	87	30.144	512.448	29.240	720	-	887.828	887.828	887.828	-
18	88	30.144	542.592	29.240	720	-	989.891	989.891	989.891	-
19	89	30.144	572.736	29.240	720	-	1.099.910	1.099.910	1.099.910	-
20	90	30.144	602.880	29.240	720	43.042	1.261.773	1.261.773	1.261.773	-
21	91	30.144	633.024	29.240	720	-	1.393.543	1.393.543	1.393.543	-
22	92	30.144	663.168	29.240	720	-	1.536.178	1.536.178	1.536.178	-
23	93	30.144	693.312	29.240	720	-	1.689.900	1.689.900	1.689.900	-
24	94	30.144	723.456	29.240	720	-	1.855.920	1.855.920	1.855.920	-
25	95	30.144	753.600	29.240	720	15.072	2.050.293	2.050.293	2.050.293	-

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN VĂN A
 Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN VĂN A
 Tài liệu minh họa số: **20181130180012 - 7580270**

Ngày hiệu lực: 30/11/2018

Chữ ký:

Trang 4/12
 Ngày in: 30/11/2018 18:00:12

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 8%/Năm (Quyền lợi không đảm bảo)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến/Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí BH được phân bổ (*)	Khoản khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/TTTBVV	Rút tiền mặt
26	96	30.144	783.744	29.240	720	-	2.245.618	2.245.618	2.245.618	-
27	97	30.144	813.888	29.240	720	-	2.456.096	2.456.096	2.456.096	-
28	98	30.144	844.032	29.240	720	-	2.683.411	2.683.411	2.683.411	-
29	99	30.144	874.176	29.240	720	-	2.928.912	2.928.912	2.928.912	-

CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI TUỔI VÀNG:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	75.360.000 đồng
Quyền lợi Tuổi vàng:	27.970.000 đồng

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí:	29 năm	Tổng số phí đóng:	874.176.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	0 lần	Tổng số tiền mặt rút ra:	0 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn:	2.928.912.000 đồng		

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT GIẢ ĐỊNH 6%/Năm (Quyền lợi không đảm bảo)
Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến/Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/TTTBVV	Rút tiền mặt
1	71	30.144	30.144	12.058	2.359	-	10.346	-	60.000	-
2	72	30.144	60.288	22.608	4.335	-	30.462	318	120.000	-
3	73	30.144	90.432	27.130	6.499	-	54.339	24.195	180.000	-
4	74	30.144	120.576	28.637	8.996	-	78.668	56.060	240.000	-
5	75	30.144	150.720	29.240	11.532	15.072	117.551	102.479	300.000	-
6	76	30.144	180.864	29.240	10.095	-	145.201	137.665	300.000	-
7	77	30.144	211.008	29.240	9.079	-	175.535	175.535	300.000	-
8	78	30.144	241.152	29.240	7.545	-	209.270	209.270	300.000	-
9	79	30.144	271.296	29.240	5.305	-	247.340	247.340	300.000	-
10	80	30.144	301.440	29.240	2.262	15.072	305.952	305.952	305.952	-
11	81	30.144	331.584	29.240	620	-	354.663	354.663	354.663	-
12	82	30.144	361.728	29.240	644	-	406.272	406.272	406.272	-
13	83	30.144	391.872	29.240	668	-	460.953	460.953	460.953	-
14	84	30.144	422.016	29.240	692	-	518.973	518.973	518.973	-
15	85	30.144	452.160	29.240	716	15.072	595.439	595.439	595.439	-
16	86	30.144	482.304	29.240	720	-	661.416	661.416	661.416	-
17	87	30.144	512.448	29.240	720	-	731.351	731.351	731.351	-
18	88	30.144	542.592	29.240	720	-	805.612	805.612	805.612	-
19	89	30.144	572.736	29.240	720	-	884.199	884.199	884.199	-
20	90	30.144	602.880	29.240	720	46.636	1.014.138	1.014.138	1.014.138	-
21	91	30.144	633.024	29.240	720	-	1.105.237	1.105.237	1.105.237	-
22	92	30.144	663.168	29.240	720	-	1.201.994	1.201.994	1.201.994	-
23	93	30.144	693.312	29.240	720	-	1.304.365	1.304.365	1.304.365	-
24	94	30.144	723.456	29.240	720	-	1.412.877	1.412.877	1.412.877	-
25	95	30.144	753.600	29.240	720	15.072	1.542.973	1.542.973	1.542.973	-
26	96	30.144	783.744	29.240	720	-	1.666.068	1.666.068	1.666.068	-

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến/Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt
27	97	30.144	813.888	29.240	720	-	1.796.283	1.796.283	1.796.283	-
28	98	30.144	844.032	29.240	720	-	1.934.310	1.934.310	1.934.310	-
29	99	30.144	874.176	29.240	720	-	2.080.620	2.080.620	2.080.620	-

CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI TUỔI VÀNG:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	75.360.000 đồng
Quyền lợi Tuổi vàng:	31.564.000 đồng

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí:	29 năm	Tổng số phí đóng:	874.176.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	0 lần	Tổng số tiền mặt rút ra:	0 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn:	2.080.620.000 đồng		

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến/Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản khấu trừ trong Năm HD (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/ TTTBVV	Rút tiền mặt
1	71	30.144	30.144	12.058	2.366	-	10.016	-	60.000	-
2	72	30.144	60.288	22.608	4.369	-	29.165	-	120.000	-
3	73	30.144	90.432	27.130	6.602	-	51.275	21.131	180.000	-
4	74	30.144	120.576	28.637	9.226	-	72.934	50.326	240.000	-
5	75	30.144	150.720	29.240	11.952	15.072	108.166	93.094	300.000	-
6	76	30.144	180.864	29.240	10.828	-	130.537	123.001	300.000	-
7	77	30.144	211.008	29.240	10.288	-	154.116	154.116	300.000	-
8	78	30.144	241.152	29.240	9.440	-	179.264	179.264	300.000	-
9	79	30.144	271.296	29.240	8.168	-	206.458	206.458	300.000	-
10	80	30.144	301.440	29.240	6.484	15.072	251.271	251.271	301.440	-
11	81	30.144	331.584	29.240	5.637	-	280.423	280.423	331.584	-
12	82	30.144	361.728	29.240	6.224	-	309.564	309.564	361.728	-
13	83	30.144	391.872	29.240	6.872	-	338.633	338.633	391.872	-
14	84	30.144	422.016	29.240	7.588	-	367.580	367.580	422.016	-
15	85	30.144	452.160	29.240	8.390	15.072	411.347	411.347	452.160	-
16	86	30.144	482.304	29.240	6.998	-	440.140	440.140	482.304	-
17	87	30.144	512.448	29.240	8.309	-	468.045	468.045	512.448	-
18	88	30.144	542.592	29.240	9.900	-	494.784	494.784	542.592	-
19	89	30.144	572.736	29.240	11.435	-	520.357	520.357	572.736	-
20	90	30.144	602.880	29.240	13.415	91.408	635.726	635.726	635.726	-
21	91	30.144	633.024	29.240	720	-	674.214	674.214	674.214	-
22	92	30.144	663.168	29.240	720	-	713.309	713.309	713.309	-
23	93	30.144	693.312	29.240	720	-	752.961	752.961	752.961	-
24	94	30.144	723.456	29.240	720	-	793.208	793.208	793.208	-
25	95	30.144	753.600	29.240	720	15.072	849.130	849.130	849.130	-
26	96	30.144	783.744	29.240	720	-	890.856	890.856	890.856	-

MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM, QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ VỚI LÃI SUẤT ĐẢM BẢO

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Phí BH dự kiến/Năm	Tổng Phí BH lũy kế	Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung (*)	Khoản Khấu trừ trong Năm HĐ (*)	Quyền lợi Duy trì Hợp đồng & Quyền lợi Tuổi vàng	GT Tài khoản	GT Hoàn lại (*)	Quyền lợi Tử vong/TTTBVV	Rút tiền mặt
27	97	30.144	813.888	29.240	720	-	933.171	933.171	933.171	-
28	98	30.144	844.032	29.240	720	-	976.121	976.121	976.121	-
29	99	30.144	874.176	29.240	720	-	1.019.715	1.019.715	1.019.715	-

CHI TIẾT QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG VÀ QUYỀN LỢI TUỔI VÀNG:

Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng:	75.360.000 đồng
Quyền lợi Tuổi vàng:	76.336.000 đồng

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI KHI ĐÁO HẠN:

Tổng số năm đóng phí:	29 năm	Tổng số phí đóng:	874.176.000 đồng
Tổng số lần rút tiền mặt:	0 lần	Tổng số tiền mặt rút ra:	0 đồng
Số tiền nhận khi đáo hạn:	1.019.715.000 đồng		

Bằng việc ký tên dưới đây, tôi/chúng tôi xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, cũng như đã được Đại diện Kinh doanh ký tên dưới đây tư vấn.

- ✓ Hiểu rõ tính chất sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện cũng như đã được giải thích về cơ cấu tính phí bảo hiểm mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Nhận thức rõ Quyền lợi bảo hiểm, Quyền lợi đầu tư khi tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời – Quyền lợi Cao niên Toàn diện.
- ✓ Ý thức rằng việc tham gia sản phẩm Kế hoạch Tài chính Trọn đời là một cam kết dài hạn và việc từ bỏ hợp đồng là không có lợi vì các khoản phí Bên mua Bảo hiểm phải trả rất cao trong thời gian đầu.
- ✓ Tài liệu minh họa này chỉ mang tính chất tham khảo, không phải là Hợp đồng Bảo hiểm hay Đề nghị giao kết Hợp đồng Bảo hiểm.
- ✓ Tài liệu minh họa sẽ không có giá trị nếu không có đủ số trang đã nêu.

Bên mua Bảo hiểm
(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi xác nhận chữ ký trên đây được Bên mua Bảo hiểm ghi trong Tài liệu minh họa này ký trước sự chứng kiến của tôi.

NGUYỄN DUY NHẬT

0012345

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

(*) GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

- **Phí BH cơ bản** Phí bảo hiểm tối thiểu mà BMBH phải đóng cho mỗi năm trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên.
- **Phí phân bổ vào Quỹ Liên kết chung** Số tiền đóng vào HĐBH sau khi trừ đi Phí ban đầu sẽ được phân bổ vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) để hưởng lãi.
- **Phí ban đầu** Khoản phí được khấu trừ từ Số tiền thực đóng tại thời điểm BMBH đóng phí và được xác định theo tỷ lệ:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5+
% của Phí BH cơ bản	60%	25%	10%	5%	3%
% của Phí BH đóng thêm	3%	3%	3%	3%	3%

- **Khoản khấu trừ trong Năm HĐ** Tổng Phí bảo hiểm rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng được khấu trừ hàng tháng trong Năm hợp đồng.

Phí bảo hiểm rủi ro là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở rủi ro của quyền lợi bảo hiểm mà NDBH tham gia. Phí Quản lý hợp đồng là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm. Phí Quản lý hợp đồng là 30.000 đồng một tháng trong năm 2018 và sẽ tự động điều chỉnh vào ngày 01 tháng 01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng một tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi phí cố định tăng đến 60.000 đồng một tháng.

- **Phí Quản lý quỹ** Khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư và quản lý Quỹ Liên kết chung. Phí Quản lý quỹ là 2%/năm tính trên GTTKHD và có thể thay đổi nếu được Bộ Tài chính chấp thuận.
- **Giá trị Hoàn lại** Là số tiền mà BMBH sẽ nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm. Giá trị Hoàn lại được xác định là GTTKHD trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng.
- **Phí chấm dứt hợp đồng** Được tính bằng tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản tại thời điểm yêu cầu chấm dứt và được quy định như sau:

Năm hợp đồng	1 - 3	4	5	6	7+
% của Phí BH cơ bản	100%	75%	50%	25%	0%

GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn: Khi NĐBH bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (TTTBVV) trước khi đạt 75 Tuổi bảo hiểm, Người thụ hưởng sẽ nhận giá trị lớn nhất của: (i) Tổng số phí bảo hiểm đã đóng trừ đi số tiền mà Bên mua Bảo hiểm đã rút từ GTTKHĐ (nếu có); hoặc (ii) GTTKHĐ; hoặc (iii) Số tiền bằng Mệnh giá Sản phẩm nhân với tỷ lệ phần trăm tùy theo thời điểm bị TTTBVV, trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả (nếu có).

Quyền lợi bảo hiểm Tử vong: Khi NĐBH tử vong, Người thụ hưởng sẽ nhận giá trị lớn nhất của: (i) Tổng số phí bảo hiểm đã đóng trừ đi số tiền mà Bên mua Bảo hiểm đã rút từ GTTKHĐ (nếu có); hoặc (ii) GTTKHĐ; hoặc (iii) Số tiền bằng Mệnh giá Sản phẩm nhân với tỷ lệ phần trăm tùy theo thời điểm tử vong, trừ đi Số tiền Bảo hiểm đã chi trả (nếu có).

GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ - QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quyền lợi Đáo hạn: Chubb Life sẽ chi trả GTTKHĐ vào Ngày đáo hạn Hợp đồng Bảo hiểm nếu Hợp đồng Bảo hiểm còn hiệu lực vào Ngày đáo hạn.

Quyền lợi Đầu tư: BMBH được hưởng quyền lợi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung. Quyền lợi này sẽ được đưa vào GTTKHĐ dưới hình thức tính lãi hàng tháng theo mức Lãi suất công bố.

Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ năm và mỗi 05 Năm hợp đồng sau đó, Chubb Life sẽ chi trả Quyền lợi Duy trì Hợp đồng bằng cách cộng vào GTTKHĐ một khoản bằng 50% Phí BH cơ bản được xác định tại Ngày phát hành Hợp đồng Bảo hiểm nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.

Quyền lợi Tuổi vàng: Vào Ngày đáo niên khi NĐBH 90 tuổi, Chubb Life sẽ chi trả Quyền lợi Tuổi vàng bằng cách cộng vào GTTKHĐ một khoản bằng 50% tổng Phí bảo hiểm rủi ro đã khấu trừ tính từ Ngày hiệu lực Hợp đồng Bảo hiểm nếu hợp đồng thỏa điều kiện được quy định trong Bản Quy tắc và Điều khoản của HĐBH.

Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng: BMBH có thể rút tiền từ GTTKHĐ sau khi HĐBH có Giá trị Hoàn lại. Sau khi BMBH rút một phần GTTKHĐ, Mệnh giá Sản phẩm sẽ được điều chỉnh: (i) giảm tương ứng với Số tiền đã rút (nếu GTTKHĐ trước khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm) hoặc (ii) bằng với GTTKHĐ sau khi rút (nếu GTTKHĐ trước khi rút lớn hơn Mệnh giá Sản phẩm và GTTKHĐ sau khi rút nhỏ hơn Mệnh giá Sản phẩm). BMBH phải chịu khoản phí khi rút tiền từ GTTKHĐ, được xác định theo Tỷ lệ phần trăm của Phí chấm dứt hợp đồng tương ứng với khoản tiền rút ra.

Chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm: BMBH có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm để nhận Giá trị Hoàn lại.